

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trường Huân;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

- *Thư ký ghi biên bản:* Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 341/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKHKT: Tổ 04, KDC ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 01, ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1980; cư trú: Tổ 04, KDC ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà H vắng có đơn; ông N vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Huỳnh Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông N là do mai mối được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2006, đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông N sống không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên cờ bạc, bà H và gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông N không thay đổi, có thái độ gay gắt. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên bà H về nhà mẹ ruột ở P và ly thân ông N cho đến nay. Gia đình đã lên tiếng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quay lại chung sống cũng không hạnh phúc nên bà nộp đơn xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 06/7/2007, Nguyễn Thị Huế G, sinh ngày 25/8/2009 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 12/4/2012, hiện các con chung đang sống với bà H. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông N.

Cháu Nguyễn Hoàng T có văn bản trình bày ý kiến: Hiện nay cháu đã nghỉ học và cùng mẹ đi làm ở Bình Dương để phụ giúp gia đình. Cha mẹ cháu đã không còn chung sống với nhau gần 10 năm nay, hiện cháu đang ở với mẹ. Nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục ở với mẹ, ngoài ra cháu không yêu cầu cha phải làm gì cho cháu hết.

Cháu Nguyễn Hoàng Y có văn bản trình bày ý kiến: Cháu chuẩn bị học lớp 2, trường Tiểu học A V. Cha mẹ cháu đã không còn chung sống với nhau gần 10 năm nay, hiện cháu đang ở với cha ở V, thỉnh thoảng có về ngoại để chơi. Cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục ở với mẹ. Ngoài ra, cháu không yêu cầu cha phải làm gì cho cháu hết.

Cháu Nguyễn Thị Huế G có văn bản trình bày ý kiến: Cháu đã nghỉ học, hiện đang cùng mẹ đi làm ở Bình Dương để phụ giúp gia đình. Cha, mẹ cháu đã không còn chung sống với nhau gần 10 năm nay, hiện cháu đang ở với mẹ. Cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục ở với mẹ. Ngoài ra, cháu không yêu cầu cha phải làm gì cho cháu hết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông N theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông N và bà H để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xã V xác định ông Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/4/1980 hiện cư trú ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Huỳnh Thị A là mẹ ruột của bà H cho biết nguyên nhân chính bà H xin ly hôn với ông N là do ông N không tu chí làm ăn, không chăm lo gia đình mà tham gia vào tệ nạn xã hội như cờ bạc, đá gà, cá độ. Vợ chồng ông bà có kinh tế khó khăn nên các con không được đi học, bà H nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông Hùng không thay đổi, thậm chí ông còn có nhiều lời lẽ xúc phạm bà H. Bà H cùng các con đi làm Bình Dương để kiếm sống, ông N không đồng ý nên tiếp tục ở lại, vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tuy ông N có liên hệ nhưng chỉ để hỏi xin tiền bà H và các con, không cho thì ông dùng nhiều lời xúc phạm, hăm dọa. Bà H ban đầu thấy các con còn nhỏ nên nhân nhượng, nay các con đã lớn, ông N ngày càng quá đáng nên bà H quyết định ly hôn. Ngoài ra ông bà có 03 con chung, hai cháu lớn theo bà H đi làm để lo cho gia đình; còn cháu Y thì sống với bà ngoại ở quê. Từ khi ly thân đến nay ông N không thăm con, cháu Y nhớ thì về nội vài hôm, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ lại không sống chung nên năm 12 tuổi mà cháu mới học đến lớp 2. Ông bà không có tài sản chung hay nợ chung.

Tại phiên tòa, bà H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông N đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà H chung sống với ông N đến năm 2013 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông N hiện có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà H và ông N xây dựng gia đình trên sự mai mối của gia đình hai bên, tự nguyện tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A vào ngày 13/8/2012 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông N. Tại phiên hòa giải bà H yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm, ông N nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặt không có ý định hàn gắn tình cảm với bà H.

Tại phiên tòa hôm nay bà H vắng mặt đã thể hiện việc kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ năm 2013 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà H cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông N sống không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên cờ bạc, bà H và gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông N không thay đổi, được hai bên gia đình hàn gắn nhưng tình trạng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Huỳnh Thị A là mẹ ruột của bà H. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 06/7/2007, Nguyễn Thị Huế G, sinh ngày 25/8/2009 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 12/4/2012, hiện các con đang sống chung với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung.

Đối với yêu cầu của bà H về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà H cùng gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này.

Quan trọng hơn con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà H nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70 ngày 13/8/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn A mang tên ông Nguyễn Hoàng N và bà Huỳnh Thị H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị H được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 06/7/2007, Nguyễn Thị Huế G, sinh ngày 25/8/2009 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 12/4/2012.

Công nhận tự nguyện của bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008363 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà H nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2023) thời hạn kháng cáo của bà H và ông N được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Ngân